

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Quý.
2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An , tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1190/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phương Thị H, sinh năm 1978; thường trú: Thôn 15, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; tạm trú: Số 20/31 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1974; thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh H; tạm trú: Số 20/31 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Phương Thị P, sinh năm 1978; thường trú: Số 120 thôn 15, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phương Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2009, bà Phương Thị H và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L cấp vào ngày 23/3/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống thuê trọ tại địa chỉ số 1/6L (số cũ 30/31) khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, về sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến đầu năm 2016, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có sự đồng cảm, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người có một cuộc sống riêng. Ông T thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không chung thủy. Mặc dù bà H đã nhiều lần cố gắng để vợ chồng cùng nhau hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T có 01 con chung tên Trần Anh L, sinh ngày 12/7/2010. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Văn T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 01/3/2019; tham gia phiên tòa vào các ngày 17/4/2019 và 07/5/2019 nhưng ông Trần Văn T vắng mặt không có lý do. Đồng thời, ông T cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

- *Tại bản tự khai ngày 20/02/2019 của người làm chứng bà Phương Thị P trình bày:*

Trước đây bà P có một thời gian sống cùng với vợ chồng ông T, bà H tại địa chỉ khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B nên biết rõ mâu thuẫn giữa ông T và bà H. Ông T là một người đàn ông không có trách nhiệm với gia đình, không cùng vợ chăm sóc con cái. Khi sống chung bà P thấy bà H và ông T thường xuyên cãi vã và có một lần ông T đánh bà H dưới sự chứng kiến của bà P khi cháu L được 01 tuổi.

Hiện tại bà H và ông T đều không có nhà, cả hai đều phải ở trọ và đi làm công nhân. Vì vậy, bà P khuyên bà H nên bỏ qua lỗi lầm của ông T để cùng chăm sóc con cái, cuộc sống ổn định hơn. Tuy nhiên, ông T không thay đổi, không lo cho vợ con, ham chơi cờ bạc dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng.

- *Ngày 26/02/2019 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa bà Phương Thị H với ông Trần Văn T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường A và được cung cấp như sau: Chi Phương Thị H, sinh năm 1978 với chồng chị là anh Trần Văn T, sinh năm 1974*

có chung sống tại địa phương. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị H không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thì vấn đề mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung thì Hội Liên hiệp phụ nữ phường A không rõ vì không có thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Phương Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; bị đơn ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do chính đáng. Căn cứ các điều 207 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phương Thị H và ông Trần Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L cấp vào ngày 23/3/2009 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn bà H trình bày, lúc đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể là bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có sự đồng cảm, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người có một cuộc sống riêng. Mặc dù bà H đã nhiều lần cố gắng để vợ chồng cùng nhau hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Anh L, sinh ngày 12/7/2010. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Trần Văn T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con chung. Cháu Trần Anh L hiện nay còn nhỏ và đang ở với mẹ, để bảo đảm quyền lợi của phụ nữ và con khi ly hôn nên giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh L.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Phương Thị H tự nguyện không yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phương Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phương Thị H được ly hôn với ông Trần Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L cấp vào ngày 23/3/2009).

2. Về con chung: Bà Phương Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Anh L, sinh ngày 12/7/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phương Thị H không yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà Phương Thị H phải tạo điều kiện cho ông Trần Văn T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; không được quyền cản trở ông Trần Văn T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phương Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020475 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND thị trấn Đ,
huyện Đ, tỉnh L (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

